

Bản án số: 05/2020/HS-ST

Ngày: 29/4/2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC SƠN - TỈNH QUẢNG NAM**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Pơ Loong Đếch

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Lê Đình Hương

+ Ông Phạm Đình Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Zơ Râm Quốc Sinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2020/TLST-HS, ngày 18/02/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HS, ngày 16 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

HỒ VĂN N; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 10/4/1951; tại: Huyện P, tỉnh Q; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn 1, xã N, huyện P, tỉnh Q; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Gié Triêng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn H (Chết) và bà Hồ Thị M (Chết); vợ Hồ Thị R (1955), có 02 người con, con nhỏ nhất sinh năm 1983. Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; *có mặt tại phiên tòa.*

**** Người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn N:*** Bà Ngô Thị D - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q; *có mặt tại phiên tòa.*

**** Người phiên dịch cho bị cáo Hồ Văn N:*** Bà Hồ Thị H; trú tại: Tổ dân phố số 4, thị trấn K, huyện P, tỉnh Q; *có mặt tại phiên tòa.*

**** Nguyên đơn dân sự:***

-Ban quản lý rừng phòng hộ huyện P, tỉnh Q; địa chỉ trụ sở: Thôn L, xã X, huyện P, tỉnh Q.

Người được ủy quyền (ủy quyền ngày 28/4/2020): Ông A Lăng N – Chức vụ: Phó giám đốc; *có mặt tại phiên tòa.*

- Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Q; địa chỉ trụ sở: Thôn 1, xã N, huyện P, tỉnh Q.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Văn T – Chức vụ: Phó Chủ tịch phụ trách; *vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).*

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Hồ Văn C, sinh năm: 1978; trú tại: Thôn 1, xã N, huyện P, tỉnh Q; *có mặt tại phiên tòa.*

- Ông Hồ Văn P, sinh năm: 1979; trú tại: Thôn 1, xã N, huyện P, tỉnh Q; *có mặt tại phiên tòa.*

- Bà Hồ Thị B, sinh năm: 1982; trú tại: Thôn 1, xã N, huyện P, tỉnh Q; *có mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 5/2019, Hồ Văn N thuê vợ chồng ông Hồ Văn P và bà Hồ Thị B vào rừng tự nhiên tại khoảnh 02 tiểu khu 680 thuộc thôn 2, xã N, huyện P, tỉnh Q phát rừng để trồng keo. Trong thời gian 02 ngày, ba người gồm Hồ Văn N, Hồ Văn P, Hồ Thị B dùng rựa phát xong thực bì chủ yếu dây leo, bụi rậm; sau đó Hồ Văn N mượn cưa máy của ông Hồ Văn C cưa hạ cây gỗ trên rẫy đã phát. Đến giữa tháng 6/2019, Hồ Văn N tiến hành đốt rẫy đã phát để trồng keo thì ngày 21/6/2019 bị Cơ quan chức năng kiểm tra, phát hiện và lập biên bản.

Theo biên bản khám nghiệm hiện trường xác định: Tổng diện tích rừng bị phát, đốt là 5.721m²; thiệt hại về lâm sản là 8,915m³ gỗ tròn nhóm III, VII, VIII. Theo Quyết định số 120/QĐ-UBND, ngày 11/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về quy hoạch 03 loại rừng thì diện tích rừng bị phát, đốt tại khoảnh 02 tiểu khu 680 thuộc xã N, huyện P, tỉnh Q được quy hoạch rừng sản xuất là rừng tự nhiên, trạng thái rừng thường xanh nghèo do Ban quản lý rừng phòng hộ huyện P và Ủy ban nhân dân xã N quản lý, bảo vệ; cụ thể:

Diện tích rừng bị phát, đốt thuộc lâm phận do Ban quản lý rừng phòng hộ huyện P quản lý, bảo vệ là 2.341m², thiệt hại về lâm sản 1,951m³.

Diện tích rừng bị phát, đốt thuộc lâm phận do Ủy ban nhân dân xã N, huyện P quản lý, bảo vệ là 3.380m², thiệt hại về lâm sản 6,964m³.

Tại kết luận định giá tài sản số 15/KL-ĐG, ngày 21/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phước Sơn kết luận: Giá trị thiệt hại khối lượng gỗ do chặt phá tại khoảnh 2 tiểu khu 680 thuộc xã N, huyện P, tỉnh Q là tang vật vụ án “Hủy hoại rừng” có khối lượng 8,915m³ gỗ tròn có giá trị 15.115.500 đồng và thiệt hại về môi trường là 45.346.500 đồng.

Trong đó: Giá trị về lâm sản do Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện P quản lý, bảo vệ là $1,951\text{m}^3$ gỗ tròn có giá trị 2.910.000 đồng và thiệt hại về môi trường là 2.341m^2 có giá trị 8.730.000 đồng.

Giá trị về lâm sản do Ủy ban nhân dân xã N, huyện P quản lý, bảo vệ là $6,964\text{m}^3$ gỗ tròn có giá trị 12.205.500 đồng và thiệt hại về môi trường là 3.380m^2 có giá trị 36.616.500 đồng.

Tang vật thu giữ: 01 dao rựa dài 58cm, cán bằng tre dài 34cm, lưỡi sắt dài 24cm của bị cáo Hồ Văn N dùng để phát rừng trái phép.

Tại cáo trạng số: 04/CT-VKS, ngày 14/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Q truy tố bị cáo Hồ Văn N về tội: “*Hủy hoại rừng*” theo điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khai nhận:

Bị cáo Hồ Văn N khai nhận: Đầu tháng 5/2019, bị cáo thuê vợ chồng Hồ Văn P và Hồ Thị B phát rẫy trả công ngày 200.000 đồng; bị cáo cùng với vợ chồng Hồ Văn P và Hồ Thị B dùng rựa phát rẫy trong thời gian 02 ngày. Sau khi phát xong bị cáo dùng cưa máy cưa hạ cây; đến nửa tháng 6/2019 thì bị cáo đốt rẫy, đốt rẫy xong thì bị cơ quan chức năng phát hiện. Mục đích phát rừng để trồng keo; bị cáo phát rẫy cho bản thân, không phát cho ai, không có ai xúi giục, chỉ bảo; bị cáo không nhận thay cho ai. Vợ chồng Hồ Văn P và Hồ Thị B phát thuê cho bị cáo 02 ngày đã trả tiền công 800.000 đồng. Rẫy bị cáo phát toàn là dây leo, bụi rậm, không có cây to; máy cưa bị cáo mượn của Hồ Văn C, chỉ có một mình bị cáo cưa hạ cây trên rẫy. Trong quá trình điều tra bị cáo không bị đánh đập, không bị ép cung, hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật.

Ông Hồ Văn C khai: Ông Hồ Văn N có mượn cưa máy của tôi, tôi không tham gia cưa hạ cây trên rẫy của ông N.

Ông Hồ Văn P khai: Tôi có phát rẫy thuê cho ông Hồ Văn N hai ngày, tiền công mỗi ngày 200.000 đồng. Rừng tôi phát thuê cho ông N chủ yếu là dây leo, bụi rậm, không có cây to; tôi không tham gia cưa hạ cây, không tham gia đốt rẫy, tôi đã nhận tiền công từ ông N là 400.000 đồng.

Bà Hồ Thị B khai: Tôi có phát thuê rẫy cho ông Hồ Văn N là 02 ngày với tiền công một ngày 200.000 đồng. Rừng mà tôi phát thuê cho ông N chủ yếu là dây leo, bụi rậm, không có cây to; tôi đã nhận tiền công từ ông N là 400.000 đồng.

Đại diện của Ban quản lý rừng phòng hộ huyện P khai: Bị cáo Hồ Văn N đã phát rừng tự nhiên tổng diện tích là 5.721m^2 ; qua đo đạc và xác định có 2.341m^2 rừng bị phát, đốt do Ban quản lý rừng phòng hộ huyện P quản lý, bảo vệ và lâm sản bị thiệt hại $1,951\text{m}^3$. Diện tích rừng bị phát, đốt thuộc Ban quản lý, bảo vệ được quy hoạch rừng tự nhiên là rừng sản xuất. Yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại về lâm sản là $1,951\text{m}^3$ gỗ tròn có giá trị 2.910.000 đồng và thiệt hại về môi trường là 8.730.000 đồng; tổng số tiền là 11.640.000 đồng theo định giá.

Luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của bị cáo Hồ Văn N tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa. Xét thấy hành vi của bị cáo Hồ Văn N đã phát, đốt 5.721m² rừng tự nhiên là rừng sản xuất để làm nương rẫy trái phép, gây thiệt hại về lâm sản 8,915m³ gỗ tròn thuộc nhóm III,VII,VIII có giá trị 15.115.500 đồng và gây thiệt hại về môi trường 45.346.500 đồng. Hành vi phát, đốt rừng tự nhiên là rừng sản xuất trái phép của bị cáo Hồ Văn N đã phạm vào tội “Hủy hoại rừng” theo điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét nhân thân bị cáo thì thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật hạn chế; mục đích phát, đốt rừng làm rẫy trồng keo để phát triển kinh tế gia đình; hoàn cảnh khó khăn; bị cáo là bệnh binh; tuổi cao, đã nộp khắc phục thiệt hại trước về gỗ và môi trường cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện P là 5.000.000 đồng và cho Ủy ban nhân dân xã N là 18.000.000 đồng nên được xem là các tình tiết giảm nhẹ; không có tình tiết tăng nặng.

Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b,s,x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hồ Văn N từ: **12 - 18** tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo Hồ Văn N phải bồi thường thiệt hại về lâm sản (gỗ) cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện P là 11.640.000 đồng (về lâm sản là 1,951m³ gỗ tròn với số tiền 2.910.000 đồng và về môi trường 2.341m² với số tiền 8.730.000 đồng) nhưng được trừ vào số tiền bị cáo đã khắc phục trước 5.000.000 đồng và bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã N là 48.822.000 đồng (về lâm sản là 6,964m³ gỗ tròn với số tiền 12.205.500 đồng và về môi trường là 3.380m² với số tiền 36.616.500 đồng) nhưng được trừ vào số tiền bị cáo đã khắc phục trước 18.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy 01 dao rựa dài 58cm, cán bằng tre dài 34cm, lưỡi sắt dài 24cm của bị cáo Hồ Văn N dùng để phát rừng trái phép.

Đối với 01 cưa máy hiệu STIHL màu trắng vàng đã qua sử dụng, 01 dao rựa dài 56cm, cán bằng cây rừng dài 32cm, lưỡi bằng sắt dài 24cm của Hồ Văn C, Cơ quan điều tra đã chuyển theo hồ sơ đề nghị xử lý hành chính nên không đề cập đến.

Đối với số gỗ 8,915m² tròn là gỗ tạp, đường kính nhỏ, đã bị mục nát không tận thu được, đã tiêu hủy tại hiện trường nên không đề cập đến.

Đối với ông Hồ Văn P và bà Hồ Thị B chỉ phát thuê cho bị cáo Hồ Văn N và lấy tiền công, Hồ Văn C chỉ cho bị cáo Hồ Văn N mượn cưa máy, không tham gia cưa hạ cây nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

Luận cứ của người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn N: Thống nhất về tội danh mà cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố bị cáo Hồ Văn N. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn, là bệnh binh, dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật hạn chế; mục đích phát rừng để làm nương rẫy; tuổi đã cao; đã bồi thường khắc phục thiệt hại trước về lâm sản và môi trường cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện P và Ủy ban nhân dân xã N. Nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b,s,x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo cải tạo không giam giữ.

Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, hoàn cảnh khó khăn, người cao tuổi, là bệnh binh; có đơn xin miễn nộp nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được miễn nộp.

Bị cáo Hồ Văn N đồng ý với luận cứ của người bào chữa, không tranh luận gì thêm, nhận tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đôi đáp của Kiểm sát viên: Không thống nhất áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 như đề nghị của người bào chữa. Vì, xử phạt cải tạo không giam giữ không có tính nghiêm minh và không có tính răn đe, phòng ngừa tội phạm.

Ngoài ra, kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo không tranh luận gì thêm và giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn C, bà Hồ Thị B và ông Hồ Văn P không tranh luận gì.

Đại diện của nguyên đơn dân sự Ban quản lý rừng phòng hộ huyện P yêu cầu bị cáo Hồ Văn N phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại thiệt hại về lâm sản và môi trường, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, của điều tra viên; của Viện kiểm sát, của kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Hồ Văn N và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi và quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Nên các hành vi và quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện điều hợp pháp.

[2] Bị cáo Hồ Văn N biết việc phát rừng làm nương rẫy trái phép là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phát, đốt rừng tại khoảnh 2 tiểu khu 680 thuộc xã N, huyện P được quy hoạch là rừng tự nhiên thuộc rừng sản xuất với diện tích 5.721m^2 và gây thiệt hại về lâm sản $8,915\text{m}^3$ gỗ tròn có trị giá 15.115.500 đồng và thiệt hại về môi trường 45.346.500 đồng.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; kết quả khám nghiệm hiện trường; xác định diện tích rừng bị phát, đốt trái phép; xác định loại rừng; kết luận định giá; luận tội của Kiểm sát viên; luận cứ của người bào chữa; lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với tài liệu, chứng cứ được chứng minh có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ kết luận: Hành vi phát, đốt rừng tự nhiên là rừng sản xuất với diện tích 5.721m^2 làm rẫy trái phép của bị cáo Hồ Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Hủy hoại rừng” theo điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn đã truy tố bị cáo Hồ Văn N là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội; tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phát, đốt rừng tự nhiên là rừng sản xuất trái phép của bị cáo Hồ Văn N đã trực tiếp xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng. Mục đích bị cáo phát, đốt rừng để trồng cây keo để phát triển kinh tế gia đình, không có mục đích mua bán.

Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật hạn chế; tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải; hoàn cảnh khó khăn, là bệnh binh, tuổi cao; bị cáo đã nộp bồi thường khắc phục trước thiệt hại về gỗ và môi trường cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện P là 5.000.000 đồng và cho Ủy ban nhân dân xã N là 18.000.000 đồng; nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được xem là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b,s,x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; không có tình tiết tăng nặng.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà cho bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước nên áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét khi lượng hình.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Hồ Văn N có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là bệnh binh; tuổi cao nên không phạt bổ sung.

Đối với ông Hồ Văn P và bà Hồ Thị B là người phát thuê cho bị cáo Hồ Văn N chỉ lấy tiền công; ông Hồ Văn C cho bị cáo Hồ Văn N mượn cưa máy. Cơ quan điều

tra và Viện kiểm sát không xem xét trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tổng diện tích rừng bị phát, đốt là 5.721m^2 và thiệt hại về lâm sản $8,915\text{m}^3$ gỗ tròn nhóm III, VII, VIII. Trong đó:

Diện tích rừng và lâm sản bị thiệt hại thuộc lâm phận do Ban quản lý rừng phòng hộ huyện P quản lý, bảo vệ là $1,951\text{m}^3$ gỗ tròn có giá trị 2.910.000 đồng và về môi trường 2.341m^2 có giá trị 8.730.000 đồng, tổng thiệt hại về lâm sản và môi trường là 11.640.000 đồng.

Diện tích rừng và lâm sản bị thiệt hại thuộc lâm phận do Ủy ban nhân dân xã N quản lý, bảo vệ là $6,964\text{m}^3$ gỗ tròn có giá trị 12.205.500 đồng, về môi trường 3.380m^2 có giá trị 36.616.500 đồng, tổng thiệt hại về lâm sản và môi trường là 48.822.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584, 589 Bộ luật dân sự năm 2015, tuyên: Buộc bị cáo Hồ Văn N phải bồi thường thiệt hại về lâm sản và môi trường cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện P với tổng số tiền 11.640.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền bị cáo đã nộp khắc phục trước 5.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số 002302 lập ngày 20/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Q, bị cáo Hồ Văn N còn phải tiếp tục bồi thường với số tiền 6.640.000 đồng và bị cáo Hồ Văn N phải bồi thường thiệt hại về lâm sản và môi trường cho Ủy ban nhân dân xã N với tổng số tiền 48.822.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền bị cáo đã nộp khắc phục trước 18.000.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 002295 lập ngày 17/01/2020 và 002301 lập ngày 20/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Q; bị cáo Hồ Văn N còn phải tiếp tục bồi thường với số tiền 30.822.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tuyên tịch thu tiêu hủy 01 dao rựa dài 58cm, cán bằng tre dài 34cm, lưỡi bằng sắt dài 24cm của bị cáo Hồ Văn N dùng để phát rừng trái phép.

Đối với 01 cưa máy hiệu STIHL màu trắng vàng mà bị cáo Hồ Văn N dùng để cưa hạ cây là của ông Hồ Văn C, cơ quan điều tra đã chuyển theo hồ sơ để xử lý hành chính đối với ông Hồ Văn C nên không đề cập đến.

Đối với số gỗ $8,915\text{m}^3$ tròn đã mục, nát không tận thu được nên không đề cập đến.

Tuyên giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện P quản lý, bảo vệ diện tích rừng 2.341m^2 và tuyên giao cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện P quản lý, bảo vệ diện tích rừng 3.380m^2 , địa điểm diện tích rừng đều tại khoảnh 2 tiểu khu 680 thuộc xã N, huyện P, tỉnh Q.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Xét thấy bị cáo là người

dân tộc thiểu số; hoàn cảnh khó khăn; tuổi cao, là bệnh binh, bị cáo có đơn xin miễn nộp. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bị cáo Hồ Văn N được miễn nộp cả án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Hồ Văn N phạm tội “Hủy hoại rừng”

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b,s,x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo:

HỒ VĂN N: **12** (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **24** (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/4/2020).

Tuyên giao bị cáo Hồ Văn N cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Q nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Hồ Văn N đi khỏi nơi cư trú hoặc thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019 (có hiệu lực thi hành từ 01/01/2020).

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584,589 Bộ luật dân sự năm 2015, tuyên:

Buộc bị cáo Hồ Văn N phải bồi thường thiệt hại về lâm sản và môi trường cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện P, tỉnh Q với số tiền 11.640.000 đồng (*mười một triệu, sáu trăm bốn mươi ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền bị cáo đã nộp bồi thường khắc phục trước 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) theo biên lai thu tiền số 002302 lập ngày 20/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Q; bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường với số tiền 6.640.000 đồng (*sáu triệu, sáu trăm bốn mươi ngàn đồng*).

Buộc bị cáo Hồ Văn N phải bồi thường thiệt hại về lâm sản và môi trường cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Q với số tiền 48.822.000 đồng (*bốn mươi tám triệu, tám trăm hai mươi hai ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền bị cáo đã nộp bồi thường khắc phục trước 18.000.000 đồng (*mười tám triệu đồng*) tại biên lai thu tiền số 002295 lập ngày 17/01/2020 và 002301 lập ngày 20/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Q; bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường với số tiền 30.822.000 đồng (*ba mươi triệu, tám trăm hai mươi hai ngàn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền bồi thường của bản án sơ thẩm đã tuyên mà bên phải thi hành án chậm trả tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (một) dao rựa dài 58cm, cán bằng tre dài 34cm, lưỡi sắt dài 24cm của bị cáo Hồ Văn N dùng để phát rừng trái phép (Hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Q theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 17/02/2020.

Tuyên giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện P, tỉnh Q quản lý, bảo vệ diện tích 2.341m² rừng tự nhiên là rừng sản xuất và cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Q quản lý, bảo vệ diện tích 3.380m² rừng tự nhiên là rừng sản xuất, địa điểm diện tích rừng đều tại khoảnh 2 tiểu khu 680 thuộc xã N, huyện P, tỉnh Q.

Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Hồ Văn N được miễn nộp.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo; nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm. Riêng nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Q vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hình sự sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Tòa án tỉnh Q.Nam;
- VKS tỉnh Q.Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Q.Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Pho Loong Đếch